

Số: 16a/2024/QĐST-HNGĐ

Phong Thỏ, ngày 27 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

Về việc yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỎ, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Dương Thị Tuyết Thanh.

- Thư ký phiên họp: Bà Lò Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thỏ, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thỏ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên họp: Ông Đặng Hồng Hạnh - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thỏ, tỉnh Lai Châu mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2024/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2024 về việc "Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 04/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27/11/2024 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Lý Văn C, sinh năm 1973; Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lý Văn Q, sinh ngày 05/6/1994; địa chỉ: bản N, xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

2. Chị Tao Thị T, sinh ngày 01/01/1993; địa chỉ: bản N, xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

3. Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu; địa chỉ: bản H, xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đèo Văn P - Chức vụ: Chủ tịch. Vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và các lời khai trong quá trình giải quyết việc dân sự của người yêu cầu ông Lý Văn C trình bày:

Ông có con trai là Lý Văn Q, sinh ngày 05/6/1994, đã đăng ký kết hôn với chị Tao Thị T, sinh ngày 01/01/1993 vào ngày 08/02/2012 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02/2012, quyền số 01/2012. Khi đăng ký kết hôn, anh Q đã tự ý khai sinh ngày 06/5/1992 để đủ tuổi đăng ký kết hôn nhưng anh Q chính xác sinh ngày 05/6/1994 nên tại thời điểm đăng ký kết hôn, anh Q mới được 17 tuổi 08 tháng 03 ngày, theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì khi kết hôn nam phải từ 20 tuổi trở lên, nữ phải từ 18 tuổi trở lên. Như vậy tại thời điểm đăng ký kết hôn con trai ông là Lý Văn Q chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn. Hiện nay, giữa con trai ông và chị T chung sống không hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn. Vì vậy, ông làm đơn này yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa Lý Văn Q và Tao Thị T.

Tại biên bản lấy lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lý Văn Q trình bày: Anh và chị T kết hôn ngày 08/02/2012 tại UBND xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu. Khi kết hôn anh chị hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Thời điểm đăng ký kết hôn anh tự khai sinh ngày 05/6/1992 để đủ tuổi đăng ký kết hôn nhưng anh chính xác sinh ngày 05/6/1994. Vì vậy, tại thời điểm đăng ký kết hôn anh mới được 17 tuổi 08 tháng 03 ngày. Đến nay, ông C đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh và chị T thì anh nhất trí vì lý do anh và chị T chung sống với nhau không còn hạnh phúc, không còn quan tâm đến nhau. Về con chung anh và chị T có 03 con chung là Lý Văn T1, sinh ngày 15/10/2011; Lý Minh V, sinh ngày 08/3/2015 và Lý Bích P1, sinh ngày 06/7/2016. Anh Q có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung vì hiện nay cả ba con chung đều đang ở với anh và bố mẹ đẻ của anh, chị T không có mặt ở địa phương. Anh Q không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết việc dân sự, Tòa án tiến hành xác minh, lấy lời khai của đại diện cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu xác định:

Ngày 08 tháng 02 năm 2012 anh Lý Văn Q và chị Tao Thị T làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N. Việc anh Q và chị T cung cấp giấy tờ tùy thân hay không thì hiện nay hồ sơ đăng ký kết hôn, sổ đăng ký kết hôn được lưu tại xã những năm trước đây đã bị mối mọt, hư hỏng và thất lạc hết, cán bộ trực tiếp đăng ký kết hôn cho anh Q và chị T không nhớ. Anh Lý Văn Q có ngày sinh chính xác là 05/6/1994 và chị Tao Thị T có ngày sinh chính xác là 01/01/1993. Thời gian chung sống cùng nhau anh chị thường xuyên mâu thuẫn, đã sống ly thân nhiều năm. Theo các giấy tờ xác định ngày sinh của anh Q là ngày 05/6/1994 và giấy chứng nhận đăng ký kết hôn anh Q cung cấp cho Tòa án thì tại thời điểm đăng ký kết hôn anh Q chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn

nhân và gia đình năm 2000. Ông C đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Q và chị T là có căn cứ nên Ủy ban nhân dân xã N nhất trí với yêu cầu của ông C.

Chị Tao Thị T vắng mặt tại địa phương, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị T không có mặt tại Tòa án để làm việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tham gia phiên họp, phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết việc dân sự, Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục giải quyết việc dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình 2000; điểm a khoản 1 Điều 8; Điều 10; Điều 11; Điều 12, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp; điểm d khoản 2 Điều 11, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, đề nghị Tòa án: Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Lý Văn C về việc hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Lý Văn Q và chị Tao Thị T theo giấy chứng nhận kết hôn số 02/2012, quyền số 01/2012 ngày 08/02/2012 do UBND xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu cấp. Giao con chung Lý Văn T1, sinh ngày 15/10/2011; Lý Minh V, sinh ngày 08/3/2015 và Lý Bích P1, sinh ngày 06/7/2016 cho anh Lý Văn Q được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Lý Văn Q không yêu cầu chị T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết; Kiến nghị Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu thực hiện việc ghi chú vào sổ hộ tịch về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa Lý Văn Q và chị Tao Thị T theo quy định của pháp luật; ông Lý Văn C không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Đây là yêu cầu về hủy việc kết hôn trái pháp luật do việc đăng ký kết hôn được thực hiện tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên họp, ông Lý Văn C, anh Lý Văn Q, Ủy ban nhân dân xã N đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; chị Tao Thị T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ bằng hình thức niêm yết. Tòa án tiến hành mở phiên họp là đúng theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp Luật: Anh Lý Văn Q, sinh ngày 05/6/1994 và chị Tao Thị T, sinh ngày 01/01/1993 đăng ký kết hôn ngày 08/02/2012 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu trên cơ sở tự nguyện. Tuy nhiên tại thời điểm đăng ký kết hôn, anh Lý Văn Q mới 17 tuổi 08 tháng 03 ngày nên chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Đến thời điểm hiện tại, anh Q đã đủ tuổi kết hôn nhưng quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc, đã sống ly thân nhiều năm, hiện chị T không có mặt ở địa phương. Anh Q nhất trí việc yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của ông Lý Văn C. Căn cứ theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, cần chấp nhận yêu cầu của ông Lý Văn C về việc hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Q và chị T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2012, quyển số 01/2012, ngày 08/02/2012 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu.

[3] Về hậu quả pháp lý của hủy việc kết hôn trái pháp luật.

Do việc kết hôn giữa anh Lý Văn Q và chị Tao Thị T vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 là kết hôn trái pháp luật nên kể từ khi quyết định này có hiệu lực pháp luật, anh Lý Văn Q và chị Tao Thị T phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: Anh Q và chị T có 03 con chung Lý Văn T1, sinh ngày 15/10/2011; Lý Minh V, sinh ngày 08/3/2015 và Lý Bích P1, sinh ngày 06/7/2016.

Anh Q có nguyện vọng nuôi cả ba con. Xét thấy, hiện chị T không có mặt ở địa phương, từ khi anh Q và chị T sống ly thân các con ở cùng anh Q và được bố mẹ để anh Q hỗ trợ chăm sóc, các con đều có nguyện vọng ở với bố nên cần giao cả ba con chung cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động là phù hợp với điều kiện thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con anh Q không yêu cầu chị T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi các con chung nên Tòa án không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Về kiến nghị: Kiến nghị Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu thực hiện việc ghi chú vào sổ hộ tịch về việc hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Lý Văn Q và chị Tao Thị T theo quy định của pháp luật.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Căn cứ vào Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm d khoản 2 Điều 11, khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì người yêu cầu giải quyết việc dân sự ông Lý Văn C không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

[6] Về quyền kháng cáo, quyền kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị Quyết định này theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 361; Điều 362; Điều 366; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 1 Điều 8; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; điểm d khoản 2 Điều 11, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Lý Văn C. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Lý Văn Q và chị Tao Thị T theo Giấy chứng nhận

kết hôn số 02/2012, quyền số 01/2012 ngày 08/02/2012 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu.

2. Về hậu quả pháp lý của việc hủy kết hôn trái pháp luật:

- Anh Lý Văn Q và chị Tao Thị T phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng kể từ khi quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao con chung Lý Văn T1, sinh ngày 15/10/2011; Lý Minh V, sinh ngày 08/3/2015 và Lý Bích P1, sinh ngày 06/7/2016 cho anh Lý Văn Q được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lý Văn Q không yêu cầu chị Tao Thị T cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Anh Lý Văn Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

3. Kiến nghị Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu thực hiện ghi chú vào sổ hộ tịch về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Lý Văn Q và chị Tao Thị T theo quy định của pháp luật.

4. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Lý Văn C không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết theo quy định Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- Chi cục THADS huyện Phong Thổ;
- UBND xã Nậm Xe;
- Người yêu cầu;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Dương Thị Tuyết Thanh